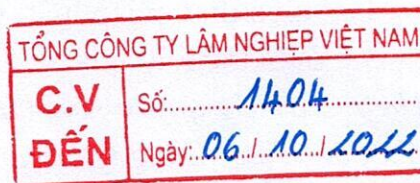


TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022 /DSST

Ngày: 02/8/2022

V/v "Tranh chấp QSD đất, tài sản
trên đất và Hợp đồng giao khoán"



NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hồng Thái
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Dũng
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/7/2022 và ngày 02 / 8/ 2022, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 01 năm 2020. Về việc “ Tranh chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và Hợp đồng giao khoán ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nhuận, sinh năm 1952;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Công nhân
Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

+ Ông Mai Tiến Dũng, sinh năm 1977;

+ Ông Tạ Quang Trang, sinh năm 1983; (Có mặt tại phiên tòa)

+ Bà Hoàng Thị Thùy Dương, sinh năm 1994;(Vắng mặt)

Đều là Luật sư – Công ty Luật TNHH Đức Thành – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 VinhomesD’ Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Lê Quốc Khánh** – Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Phạm Huy Bình**, sinh năm 1980;

(Theo Giấy Ủy quyền số 547/GUQ- TCT-PC &KSNB ngày 07/5/2020 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.)

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên – Chi nhánh của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Nguyễn Mạnh Hùng, sinh năm 1986;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân

Nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Phạm Văn Trình, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt có lý do và đề nghị xét xử vắng mặt)

4.2 Bà Dương Thị Sinh, sinh năm 1951; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của Nguyên đơn, lời khai của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Nhuận tại phiên tòa trình bày:

Năm 1998, theo chủ trương chính sách, tôi được Lâm trường Đồng Hỷ giao 6,8ha đất rừng sản xuất tại khoảnh 3 tiểu khu 413 thuộc Thôn Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để canh tác và trồng rừng. Diện tích đất giao này được thể hiện thông qua sổ xanh giao đất của Lâm trường Đồng Hỷ ngày 20/5/1998. Với mỗi 1ha đất rừng được giao, tôi phải trả cho Lâm trường 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng), tổng công là 204.000 đồng cho 6,8ha. Sau khi nhận đất, cùng năm đó gia đình tôi có tự ươm cây mỡ để trồng.

Năm 1999, vì không có điều kiện, không có kinh phí làm rừng, nên gia đình tôi có làm hợp đồng vay vốn Ngân hàng qua Lâm trường với diện tích 1,65ha nhưng sau đó đã trả xong sản phẩm cho Lâm trường. Kể từ thời điểm trả xong sản phẩm, gia đình tôi đã tự bỏ vốn để trồng tiếp các chu kỳ sau cho đến tận bây giờ. Vào năm 2001, tôi trồng 1ha cây mỡ và 0,92ha trồng cây keo trong tổng diện tích nêu trên. Thời điểm này, Lâm trường không nghiệm thu với diện tích 0,92ha trồng keo mà chỉ giao cho Quản đốc phân trường I là ông Phan Văn Tâm thu lại của gia đình tôi 260.640 đồng tiền phân bón và 460.000 đồng tiền cây con.

Số tiền này tôi đã nộp cho Phân trường I qua ông Tâm vào 21/6/2005. Sau đó toàn bộ diện tích còn lại trong 6,8ha được Lâm trường giao lúc đầu, gia đình tôi tiếp tục tự bỏ vốn ra canh tác từ năm 2007 đến nay mà không có tranh chấp với ai cũng như không có ai có ý kiến gì. Trong suốt thời gian này, ngoài diện tích được cấp sổ xanh, gia đình tôi còn tự khai hoang, mở rộng thêm khoảng 6,42 ha rừng cùng tiểu khu 413 để trồng keo. Tổng diện tích mà gia đình tôi đang quản lý sử dụng đến thời điểm hiện tại là 13,22ha.

Kể từ thời điểm nhận được đất giao từ Lâm trường Đồng Hỷ và tự khai khẩn thêm cho đến năm 2018, số tiền mà gia đình tôi phải tự bỏ ra đầu tư mỗi một ha rừng là 25.000.000 đồng, tổng 13,22ha là 330.000.000 đồng. Tiền tự mở và tu sửa khoảng hơn 1 Km đường rừng khoảng 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu = 800 tiếng máy x 500.000đ). Nhưng vào các năm 2011, 2014 và năm 2015, khi các cây rừng trên đất tôi trồng được khai thác, Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên – Chi nhánh Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam ép gia đình tôi phải lấy tiền đầu tư, trả sản phẩm mới được khai thác. Chi nhánh của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam buộc gia đình tôi phải ký vào hợp đồng khống: Không có số lô, số thửa, không có diện tích, không có vị trí đất, không có ngày tháng trước khi khai thác cây nhưng lại có mức khoán sản phẩm rất cao. Nếu không ký hợp đồng này, Công ty không làm giấy khai thác, UBND xã Hợp Tiến cũng từ chối thực hiện thủ tục cho khai thác cây rừng. Do đó, tôi buộc phải ký vào các hợp đồng trắng này để khai thác cây rừng. Hợp đồng ký trắng này Công ty giữ và không đưa cho gia đình tôi giữ bản nào.

Vào năm 2016, Chi nhánh Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam là Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã tự ý vào diện tích đất của gia đình tôi để đo đạc và cắm mốc với lý do Công ty cho rằng diện tích tôi đang canh tác là đất thuộc quyền quản lý của Công ty và Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2011. Tuy nhiên, thực tế tôi là người quản lý, sử dụng, canh tác trên đất nhưng lại không được biết và cũng không ai được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận này.

Không đồng ý với cách làm việc của Tổng Công ty, tôi đã có đơn đề nghị UBND xã Hợp Tiến giải quyết tranh chấp nhưng không thành. Sau nhiều lần hòa giải tại xã, năm 2018, UBND xã Hợp Tiến đã đề nghị Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thực hiện đo hiện trạng toàn bộ diện tích 13,22ha mà gia đình tôi đang canh tác là diện tích tranh chấp thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 01, giải thửa 2006 của xã Hợp Tiến. Phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận số BA 866776 cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam vào ngày 15/12/2011. Việc cấp giấy chứng nhận nhưng lại không có trích lục thửa đất, không có mốc giới, ranh giới xác định vị trí đất.

Việc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam tự làm các thủ tục cấp xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với toàn bộ diện tích đất rừng sản xuất của tôi ở trên là không đúng pháp luật, buộc gia đình tôi phải ký không các hợp đồng đầu tư, trồng rừng rồi thu sản lượng là không đúng quy định của pháp luật. UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam vào ngày 15/12/2011 là cấp không đúng đối tượng. Các hành vi vi phạm trên của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, UBND tỉnh Thái Nguyên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi. Bà Nhuần yêu cầu Tòa án:

+ Xác nhận 13,22 ha đất rừng sản xuất theo hiện trạng đo ngày 09/10/2018 trong đó có 6,8ha được Lâm trường Đồng Hỷ cấp sổ xanh và 6,42ha đất khai hoang đều thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 01 giải thửa 2006 thuộc xã Hợp Tiến thuộc quyền sử dụng của tôi. Đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sở hữu của tôi, tôi có toàn quyền quản lý, khai thác và hưởng giá trị sản phẩm mang lại trên đất.

+ Tuyên hủy các bản hợp đồng gia đình tôi đã ký với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên từ năm 2011 là vô hiệu do bị lừa dối.

+ Tuyên hủy Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 đã cấp cho Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam ngày 15/2/2011.

Tôi nhất trí với kết quả đo đạc của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc xác định diện tích đất tranh chấp là **126.708,3 m²** theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/6/2020.

*** Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty Lâm Nghiệp Việt Nam – ông Phạm Huy Bình trình bày:** Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhuần.

Thứ nhất, về nguồn gốc đất: Diện tích đất do Chi nhánh Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên (Sau đây gọi tắt là “Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên”, “Công ty”) quản lý có nguồn gốc được ghi nhận qua các văn bản sau:

- Quyết định số 11TCCQ ngày 12/1/1973 về việc Hợp nhất 2 Lâm trường Phúc Trìu và Trại Cau thành LT Đồng Hỷ

- Quyết định số 634UB.QĐ ngày 8/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái v/v thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đồng Hỷ Tổng diện tích được giao tại huyện Đồng Hỷ là 13.065ha

- Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v chuyển giao lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam Bàn giao nguyên trạng, nguyên canh nguyên cư về TCT Lâm nghiệp Việt Nam.

- Biên bản bàn giao lâm trường Đồng Hỷ thuộc sở NN và PTNT Thái Nguyên về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam.

- Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/1/1999 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên

- Quyết định số 248/QĐ/BNN-TCCB ngày 28/1/2003 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên và bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Ván Dăm Thái Nguyên

- Quyết định số 141/HĐQT/TCLĐ/QĐ ngày 10/6/2004 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp VN v/v hợp nhất Lâm trường Đồng Hỷ và Lâm trường Phú Bình trực thuộc Công ty Ván Dăm Thái Nguyên

- Công văn số 34 CTVD/CV ngày 21/1/2005 V/v Tăng cường biện pháp quản lý sử dụng rừng và đất rừng Công văn đã gửi đến sở ban ngành, UBND huyện Đồng Hỷ, Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ, Các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Tân Lợi, Hợp Tiến với nội dung trước đây Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng bằng sổ “ Lâm bạ” đến ngày 30/03/2005 không còn giá trị mà chuyển thành hình thức “ Hợp đồng giao khoán

- Công văn số 1294/UBND-NLN ngày 28/11/2005 V/v phối hợp giải quyết vùng nguyên liệu của nhà máy Ván dăm Thái Nguyên với các ngành, các cấp chính quyền trong tỉnh Thái Nguyên

- Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành luật về đất đai đối với Công ty Ván dăm Thái Nguyên ngày 22/12/1998 Theo kết luận thanh tra Sở TN&MT tổng diện tích Công ty quản lý tại xã Hợp Tiến là 2.211,08ha và kết luận việc Lâm trường Đồng Hỷ sử dụng mẫu giao đất, giao rừng của UBND huyện Đồng hỷ là sai mẫu giao khoán trồng và bảo vệ rừng. Thực chất là hợp đồng giao khoán trồng và bảo vệ rừng.

- Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên

- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/2/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp GCN cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên, tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ Với diện tích được cấp 12.919.983,0 m²

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Hợp Tiến

- Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN

- Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch

Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên

- Văn bản số 3231/UBND - NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên

- Quyết định số 1136/QĐ/HĐTV-UBND ngày 21/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên v/v thu hồi đất do Chi nhánh TCT lâm nghiệp VN Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây Thị, Văn Hán, Khe Mo huyện Đồng hỷ để quản lý theo quy hoạch.

- Quyết định 215 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

- Công văn số 643/UBND-TNMT ngày 20/5/2016 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc tăng cường công tác phối hợp thực hiện lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất đối với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên năm 2016.

- Thông báo số 38TB/TCT-VP ngày 09/9/2016 của Tổng Giám đốc TCT lâm nghiệp VN v/v chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, giới thiệu mẫu dấu, các chức danh và chữ ký.

Thứ hai, về hiện trạng sử dụng đất và việc giao khoán trồng rừng:

Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã ký Hợp đồng giao nhận khoán với bà Nguyễn Thị Nhuận theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng số 13/2014-HĐ ký ngày 04/02/2014 tại lô A9, A17, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 3,62 ha (36.200 m²). Tại vị trí này, năm 2022 bà Nguyễn Thị Nhuận khai thác trả sản phẩm, thanh lý hợp đồng nhưng chống đối không ký lại hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên mà chiếm đất tự ý trồng rừng năm 2022.

+ Hợp đồng số 8/2015-HĐ ký ngày 10/12/2015 tại lô B18, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 2,80 ha (28.200 m²). Tại vị trí này, năm 2021 bà Nguyễn Thị Nhuận đã tự ý khai thác rừng trái pháp luật, chống đối không giao nộp sản phẩm gỗ theo hợp đồng đã ký, chưa thanh lý hợp đồng và tự ý chiếm đất của Công ty trồng rừng năm 2021.

+ Hợp đồng số 14/2017-HĐTR ký ngày 09/02/2017 tại lô D10, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 3,80 ha (38.000 m²). Tại vị trí này, năm 2022 bà Nguyễn Thị Nhuận khai thác trả sản phẩm, thanh lý hợp đồng nhưng chống đối không ký lại hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

+ Diện tích còn lại (24.508,30 m²), bà Nguyễn Thị Nhuận đang lấn chiếm tự đầu tư trên đất Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được giao, được thuê.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 10/10/2018 giữa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, UBND xã Hợp Tiến và Hộ nhận khoán - bà Nguyễn Thị Nhuận, tổng diện tích hộ bà Nguyễn Thị Nhuận đang canh tác trên đất của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý là 13,22 ha, trong đó, Công ty dự kiến trả về địa phương 0ha và giữ lại sử dụng sau cổ phần hóa 13,22 ha.

- Diện tích Công ty đã giao khoán bằng các hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng từ năm 2014 đến năm 2017 là: 10,79ha.

- Diện tích giao khoán thu hồi sản phẩm là: 10,22ha

- Diện tích giao khoán nhưng trừ bỏ khe rãnh, không có khả năng trồng rừng là: 0,57ha.

- Diện tích Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên chưa giao khoán (hộ bà Nguyễn Thị Nhuận đang lấn chiếm tự đầu tư) là: 2,43ha

- Bà Nguyễn Thị Nhuận đã ký biên bản đo đạc chi tiết

Thứ ba, về việc ép ký hợp đồng nhận khoán:

Việc ký hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, trong các hợp đồng có nội dung và các điều khoản rõ ràng. Trước khi ký hợp đồng các chủ hộ được đọc kỹ các nội dung và điều khoản trong hợp đồng và các mô hình khoán của Công ty.

- Việc ký hợp đồng với các hộ dân đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự và đều biết chữ nên không có việc ép ký hợp đồng.

Thứ tư, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện là công nhận quyền sử dụng đất với diện tích 13,22 ha .

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được cấp ngày 15/02/2011

- Hủy tất cả các hợp đồng mà nguyên đơn bị ép ký không từ năm 2011
Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Nhuận không xuất trình căn cứ cũng như trong tài liệu kèm theo đơn khởi kiện không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận diện tích đất trên thuộc quyền quản lý của bà Nhuận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng diện tích 13,22 ha tại thửa số 30, tờ bản đồ số 1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến và quyền sở hữu toàn bộ cây trên các diện tích đất đã ký hợp đồng với công ty thuộc về gia đình nguyên đơn.

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần có thiện chí hai bên thỏa thuận với nhau. Đối với phần diện tích bà Nhuận đang quản lý, sử dụng và phần diện tích đất bà Nhuận đã nhận giao khoán với Công ty, phía công ty sẽ vẫn cho tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác nhưng Bà Nhuận phải có đơn xin nhận

khoán, ký hợp đồng giao khoán, phải nộp sản lượng với công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu giải quyết các Hợp đồng giao khoán đã ký kết với nguyên đơn. Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam sẽ khởi kiện vụ án riêng.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Mai Tiến Dũng, ông Tạ Quang Trang trình bày:

Hồ sơ giao đất giao rừng của Lâm trường đồng hỷ hiện nay người dân vẫn chưa bị thu hồi. Phía Nguyên đơn đang sử dụng 13,22 ha tại thửa số 30, tờ bản đồ số 1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến và quyền sở hữu toàn bộ cây trên các diện tích đất do bà Nhuận đã bỏ vốn trồng và chăm sóc thuộc về gia đình nguyên đơn. Hồ sơ giao đất, giao rừng này thực chất là Hợp đồng giao khoán, hiện nay chưa bị thu hồi nên vẫn còn giá trị bà Nhuận được quyền sử dụng. Căn cứ Điều 6 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 có quy định giao đất cho hộ gia đình, việc áp dụng Nghị định số 01-CP ngày 04/01/1995 của bị đơn là không đúng vì Nghị định này chỉ áp dụng trong các doanh nghiệp Nhà nước chứ không áp dụng cho các hộ gia đình. Theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994, thì các Hợp đồng giao khoán chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi, nếu Hợp đồng giao khoán này chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, nên Hồ sơ giao khoán này chưa hết thời hạn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Ván dăm của UBND tỉnh Thái Nguyên là không đúng quy định, vì không rà soát trước khi cấp, Hồ sơ giao khoán vẫn đang có hiệu lực pháp luật, người dân vẫn đang sử dụng ổn định nếu muốn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thì phải thu hồi. Đối với cá nhân, hộ gia đình thì UBND huyện phải tiến hành thu hồi Hồ sơ giao khoán này thì mới đủ căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Yêu cầu hủy các Hợp đồng giao khoán mà Nguyên đơn đã ký với Công ty lâm nghiệp do hợp đồng có dấu hiệu bị ép ký và ký khống, Công ty cho người dân ký trước, sau đó mới điền nội dung. Chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau. Vì vậy đề nghị giám định chữ ký, giám định tuổi mực trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định việc ký hợp đồng là ký trước sau đó mới điền nội dung làm căn cứ hủy hợp đồng giao nhận khoán và công nhận QSD đất là của bà Nguyễn Thị Nhuận. Thời gian gần đây công ty mới cắm mốc và yêu cầu ký nguyên đơn vào bản hợp đồng khai thác lâm sản. Công ty Lâm nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có sơ đồ thửa đất, không

có ranh giới xác định vị trí đất nên người dân đang cho rằng việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất này cấp chồng lấn vào diện tích đất của gia đình bà Nhuận đã sử dụng từ trước.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Mạnh Hùng(con bà Nhuận) nhất trí với ý kiến bà Nhuận và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nhuận.

Ý kiến của người làm chứng:

+ Ông Phạm Văn Trình trình bày: Tôi là Đội trưởng đội sản xuất của Công ty Lâm nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021. Liên quan đến việc ký các Hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ bà Nguyễn Thị Nhuận đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo Hợp đồng đã ký là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký không với các hộ dân. Nay các hộ cho rằng Công ty ép các hộ ký không là không đúng.

+ Bà Dương Thị Sinh trình bày tại biên bản lấy lời khai: Đất của bà Nhuận bên trong, đất của tôi, năm 2010 hai bên thống nhất nhà bà Nhuận bỏ tiền mở con đường đi qua đất nhà tôi vào bãi nhà bà Nhuận để khai thác keo, con đường 2 nhà sử dụng chung. Tiền làm đường do bà Nhuận mở còn đất là của bà. Tôi được biết bà Nhuận đang khởi kiện Tổng công ty Lâm nghiệp đối với diện tích đất gần nhà tôi nhưng giữa nhà tôi với nhà bà Nhuận không có tranh chấp. Việc mở đường hai bên cũng không có vướng mắc, tranh chấp gì. Tôi không liên quan đến việc bà Nhuận tranh chấp với công ty. Tôi không có yêu cầu gì với các bên trong vụ án. Đề nghị Tòa án không triệu tập tôi vì tôi không liên quan gì đến vụ án. Tôi từ chối tham gia tố tụng(BL 181).

Do hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích đất tranh chấp là 126.708,3 m² thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (Có sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo)

Ngày 02/12/2020 Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị tài sản:

* Về giá trị đất: $126.708,3 \text{ m}^2 \times 9.000 / \text{m}^2 = 1.140.374.700 \text{ đồng}$.

(Một tỷ, một trăm bốn mươi triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm đồng)

* Về giá trị tài sản trên đất: (Keo, phân, làm đường) 922.411.300 đồng

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất: **2.062.786.000 đồng** (Hai tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)

Quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tòa án đã phối hợp với các cơ quan lưu giữ tài liệu chứng cứ cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất rừng của 11 hộ dân xã Hợp Tiến huyện Đông Hỷ đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.

Tại công văn số 1217/UBND-CNN\$XD của UBND tỉnh Thái Nguyên trình bày: + Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền Cấp GCNQSD đất: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009;

+ Về Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đông Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đông Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Sau đó Lâm trường Đông Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Việc cấp GCNQSD đất : Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký QSD đất đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011. Thành phần hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật đất đai.(BL326).

Tại Công văn số 55/CV-HKL ngày 18/4/2022 của Hạt Kiểm lâm huyện Đông Hỷ cung cấp:

Căn cứ sơ đồ trích đo (file số) hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình xã Hợp Tiến đang có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Hạt kiểm lâm đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng do Hạt kiểm lâm quản lý theo Quyết định 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 đến năm 2020 thì khu vực trên về cơ bản đều thuộc Quy hoạch là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. Còn nội dung xác định chủ quản lý theo vị trí là số thửa đất, số tờ bản đồ, diện tích từng thửa không thuộc đối tượng theo dõi của Hạt kiểm lâm huyện Đồng Hỷ.

Tại Công văn số 554/UBND ngày 04/7/2022 của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng cung cấp:

Trước khi cổ phần hóa, chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã trả về địa phương diện tích đất là 817,23 ha (8.172,262 m²) đất trồng rừng sản xuất tại Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất do chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã: Hợp Tiến, Tân Lợi, Cây thị, Văn Hán, Khe Mo huyện Đồng Hỷ để quản lý theo quy hoạch. Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương có biên bản bàn giao chỉ giới do UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên để giao cho UBND xã Hợp Tiến , huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên quản lý theo quy hoạch ngày 03/6/2015.

Diện tích đất hiện nay 11 Nguyên đơn đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên không nằm trong diện tích đất trả về địa phương mà hiện nay địa phương đang quản lý. Toàn bộ diện tích đất trả về địa phương hiện nay UBND xã Hợp Tiến đã xây dựng xong phương án giao đất, cho thuê đất theo quy định. Đến thời điểm này UBND xã Hợp Tiến không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhận nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Đối với toàn bộ diện tích các hộ đang khởi kiện thì các hộ chưa có hồ sơ xin cấp GCNQSD đất lần nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án vì vậy Tòa án phải đưa ra xét xử công khai.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm như nội dung yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa , đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng: Khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, 271, 273, 278, 280, 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;
- Điều 7, 10, 11, 12, 19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Điều 102, 135, 203 Luật đất đai năm 2013;
- Điều 483, 484, 485 Bộ luật dân sự năm 2015. - Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ của các đương sự cung cấp và chứng cứ được Tòa án thu thập xác định Nguồn gốc đất hiện nay bà Nguyễn Thị Nhuận đang quản lý, sử dụng có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất từ năm 2011 là đúng quy định của pháp luật, do đó Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhuận theo nội dung như đơn khởi kiện của bà Nhuận vì không có căn cứ.

- Về chi phí tố tụng; án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí . Bà Nguyễn Thị Nhuận là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

* **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhuận xác định đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai; tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng rừng theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng và tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (bà Dương), vắng mặt người làm chứng (bà Sinh, ông Trinh) các bên đương sự đề nghị xét xử vắng mặt họ, ông Trinh đã có quan điểm và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

*** Về Nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên Công nhận 13,22 ha đất rừng sản xuất trong đó có 6,8ha được Lâm trường Đông Hỷ cấp sổ xanh và 6,42ha đất khai hoang đều thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 01 giải thửa 2006 thuộc xã Hợp Tiến thuộc quyền sử dụng của tôi. Đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sở hữu của bà, bà có toàn quyền quản lý, khai thác và hưởng giá trị sản phẩm mang lại trên đất. Kết quả do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo hiện trạng đất bằng máy xác định diện tích tranh chấp thực tế là **126.708,3 m²** tương đương **12,67 ha** đất trồng rừng.

HĐXX xét thấy: Không có tài liệu chứng cứ nào xác định việc bà Nguyễn Thị Nhuận khai hoang, khai phá đất vào thời điểm năm 2006.

Thời điểm năm 2006 nhà nước đang thực hiện quản lý nhà nước về đất đai theo Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ – CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003. Trước đó Lâm trường Đông Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái(nay là tỉnh Thái Nguyên) và đang thực hiện Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha, trước thời điểm này đã thiết lập bản đồ quản lý rừng và đất rừng trên cơ sở của Bản đồ 299 theo chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10 tháng 11 năm 1980 về “Công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước” để quản lý chặt chẽ và thống nhất đất đai trong cả nước theo Quyết định 201-CP ngày 01 tháng 07 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ, thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các ngành, các cấp tiến hành công tác đo đạc, lập bản đồ phân loại đất, phân hạng đất canh tác và đăng ký, thống kê tình hình sử dụng ruộng đất trong cả nước. Về mặt thực tế sử dụng đất: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần được nhà nước giao đất quản lý, sử dụng đất và điều chỉnh việc quản lý, sử dụng đất theo các văn bản pháp luật bởi các Nghị định của Chính phủ, các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Thái cho phù hợp với các văn bản pháp luật trong từng giai đoạn khác nhau. Công ty ký các Hợp đồng giao, nhận khoán trồng rừng và nộp khoán theo các mô hình khác nhau đối với các hộ gia đình, cá nhân phù hợp với các văn bản pháp luật từng thời kỳ. Phần diện tích đất tranh chấp với Tổng công ty Lâm nghiệp mà bà Nhuận đang quản lý, sử dụng có diện tích **126.708,3 m²** tương đương **12,67 ha** đất trồng rừng vị trí tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là một phần diện tích đất được ghi trong GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số **BA 866776** tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 có diện tích **6.481.800 m²**(

Sáu triệu bốn trăm tám mươi một nghìn, tám trăm mét vuông) Và số BA 866510 tại thửa 407 tờ bản đồ số 3 với diện tích 2.144.816 m² (Hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm mười sáu mét vuông).

Yêu cầu khởi kiện của bà Nhuận về phần đất tranh chấp là 13,22 ha đất rừng sản xuất nhưng thực tế diện tích đất tranh chấp do bà Nhuận dẫn đặc để Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo theo bản trích đo là 126.708,3 m² tương đương 12,67 ha đất trồng rừng thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 01 xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ là đất của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã được nhà nước cấp QSD đất.

Nay bà Nhuận cho rằng nguồn gốc đất của bà có từ năm 1998, bà được Lâm trường Đồng Hỷ giao 6,8ha đất rừng sản xuất tại khoảnh 3 tiểu khu 413 thuộc Thôn Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để canh tác và trồng rừng(có sổ xanh giao đất của Lâm trường Đồng Hỷ ngày 20/5/1998). Năm 2001 bà trồng 1ha cây mỡ và 0,92ha trồng cây keo trong tổng diện tích nêu trên. Ngoài ra năm 2006-2007 bà tự khai hoang, mở rộng thêm khoảng 6,42 ha rừng để trồng keo. Tổng diện tích mà gia đình bà đang quản lý sử dụng đến thời điểm hiện tại là 13,22ha. Quá trình sử dụng đất bà Nhuận đã trồng cây trên đất theo các Hợp đồng đã nhận khoán và không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh diện tích đất tranh chấp là đất của bà khai phá theo địa giới hành chính, không có văn bản nào của UBND xã Hợp Tiến xác nhận việc bà khai phá đất, bản thân bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc bà khai phá đất vào năm 2006, 2007 như những lời bà khai trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác UBND xã Hợp Tiến, xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty Lâm nghiệp trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất; Qua hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến thì không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp. Do vậy HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nhuận về việc đề nghị Tòa án Công nhận 13,22 ha đất rừng sản xuất và cây rừng trên đất là đất của bà Nhuận.

[2] Xét yêu cầu của bà Nhuận đề nghị Tòa án Tuyên hủy tất cả các bản hợp đồng bà đã ký với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên từ năm 2011 là vô hiệu do bị lừa dối, bị ép ký khống

Về hồ sơ giao đất giao rừng mang tên Nguyễn Thị Nhuận do Lâm trường Đồng Hỷ, Thái Nguyên cấp ngày 20/5/1998 có Quyết định giao đất giao rừng diện tích 6,8 ha; Biên bản bàn giao rừng và đất rừng; Đơn xin nhận đất, nhận rừng để quản lý và sử dụng có chữ ký của bà Nhuận.

Sau đó bà Nguyễn Thị Nhuận tiếp tục ký các Hợp đồng giao nhận khoán cụ thể là: + Hợp đồng số 13/2014-HĐ ký ngày 04/02/2014 tại lô A9, A17, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 3,62 ha (36.200 m²).

+ Hợp đồng số 8/2015-HĐ ký ngày 10/12/2015 tại lô B18, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 2,80 ha (28.200 m²).

+ Hợp đồng số 14/2017-HĐTR ký ngày 09/02/2017 tại lô D10, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 3,80 ha (38.000 m²).

+ Diện tích còn lại 24.508,30 m² bà Nguyễn Thị Nhuận đang lấn chiếm tự đầu tư trên đất Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

HĐXX thấy: Việc giao đất của Lâm trường Đồng Hỷ trên cơ sở diện tích đất mà Lâm trường Đồng Hỷ được UBND tỉnh Bắc Thái giao đất giao rừng tại Quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992, diện tích đất này thuộc quỹ đất của Lâm trường Đồng Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước. Còn việc giao đất cho các hộ dân theo Nghị định số 02-CP ngày 04/01/1994 trên cơ sở quỹ đất lâm nghiệp của từng địa phương và thẩm quyền quyết định xác lập các khu rừng và giao đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài trong trường hợp này là Chủ tịch UBND cấp huyện theo Điều 8 của Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và thời hạn giao đất cho hộ gia đình cá nhân là 50 năm, thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là Ủy ban nhân dân huyện giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân theo quy định tại Điều 24 Luật đất đai năm 1993.

Xét về cơ chế giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng:

Trước năm 1999, Lâm trường Đồng Hỷ thuộc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam đã thực hiện giao khoán cho các hộ nhận khoán là thực hiện theo Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng; Các Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn PAM và nguồn vốn dự án 327.

Thực hiện Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dăm Thái Nguyên đã có công văn số 34/CTVDTN về việc tăng cường biện pháp quản lý, sử dụng rừng và đất rừng. Trong đó Công ty yêu cầu các hộ nhận khoán trước đây được Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán bằng hồ sơ giao đất, giao rừng (sổ xanh) phải chuyển sang Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng theo Nghị định số 01/CP.

Thực hiện Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

Từ năm 2006 đến năm 2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng trên đất của Công ty được giao quản lý bằng các Hợp đồng giao khoán với các hộ dân.

Từ ngày 15/02/2017 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH Một thành viên Nông, Lâm nghiệp nhà nước.

Về mô hình giao khoán, cơ chế giao khoán, cơ chế hưởng lợi được thực hiện theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về việc sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Nông, Lâm nghiệp. Hồ sơ giao đất, giao rừng số 143 ngày 20/5/1998 của Lâm trường Đồng Hỷ giao cho Bà Nguyễn Thị Nhuận diện tích 6,80 ha. Tại Điều 2 của Quyết định giao đất, giao rừng quy định: “ *Chủ rừng được chủ động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả phần đất được giao, hưởng mọi quyền lợi và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo các quy định và chính sách của nhà nước*”

Bà Nhuận yêu cầu xem xét các Hợp đồng giao nhận khoán của bà ký với Công ty Lâm nghiệp, bà Nhuận và người bảo vệ quyền lợi của bà cho là bà bị ép ký, bị ký khống, hợp đồng không ghi số lô, số thửa và đề nghị giám định tuổi mục, xem xét Hồ sơ giao đất giao rừng chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi và việc giao đất chưa hết thời hạn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Những Hợp đồng giao nhận khoán của bà Nhuận ký với Công ty Lâm nghiệp năm 2014, 2015, 2017 đều dựa trên cơ sở của Đơn xin nhận khoán; các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do bà Nguyễn Thị Nhuận trực tiếp ký với Công ty Lâm nghiệp đều có xác nhận của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Tại phiên tòa, bà Nhuận thừa nhận tất cả các hợp đồng giao khoán đúng là chữ ký của bà nhưng là do bị ép ký, bị công ty cho ký khống, hợp đồng không ghi số lô, số thửa. Bà Nhuận và người bảo vệ quyền lợi của bà yêu cầu giám định tuổi mục nhưng bà không cung cấp được chứng cứ về việc bị ép ký hoặc bị ký khống. Hơn nữa ngoài việc bà trực tiếp ký Hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp, bà còn trực tiếp ký vào đơn xin nhận khoán của các năm 2012, 2014, 2017 và các phiếu nghiệm thu chăm sóc bảo vệ rừng nguyên liệu của các năm ký hợp đồng.

Như vậy việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng giữa bà Nhuận với Công ty Lâm nghiệp là hoàn toàn tự nguyện giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng đã ký là hợp pháp. Từ khi bà Nhuận ký Hợp đồng nhận khoán và ký các năm tiếp theo với Công ty Lâm nghiệp, bà không có ý kiến thắc mắc gì. Khi khởi kiện ra Tòa bà không cung cấp được

chứng cứ chứng minh bị ép ký, bị ký không vào các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty, lời trình bày của bà không có căn cứ. Theo Nghị định số 01/1995/NĐ-C ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước quy định tại:

“ Điều 11 Giao khoán đất lâm nghiệp:

1. Bên giao khoán xác định diện tích, hiện trạng, vị trí, ranh giới từng lô, khoanh rừng trên thực địa và bản đồ để giao cho bên nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng theo hợp đồng;

2. Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm;

đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh. ”

Bà Nguyễn Thị Nhuận ký hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên là rừng sản xuất thì thời hạn tính theo chu kỳ kinh doanh chứ không phải thời hạn là 50 năm như bà là người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà trình bày. Bà Nhuận cho rằng Công ty ép ký và cho ký không các hợp đồng, hợp đồng ký không ghi số lô số thửa, số khoanh nhưng khi xảy ra tranh chấp chính bà là người dẫn đặc để xác định vị trí tranh chấp đó. Yêu cầu của bà và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà đề nghị giám định tuổi mục trong hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp là không có căn cứ chấp nhận. Khi ký Hợp đồng bản thân bà là người có năng lực hành vi dân sự, có đơn xin nhận khoán, từ khi bà ký Hợp đồng nhận khoán và ký các năm tiếp theo bà đã và đang thực hiện hợp đồng và các Hợp đồng của bà ký đều có vị trí trọt vện trong thửa 30 tờ bản đồ số 1 được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011 là vị trí tranh chấp được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo vẽ xác định diện tích tranh chấp là **126.708,3 m²** tương đương **12,67 ha** đất trồng rừng thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 01 xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên do đó yêu cầu của bà Nhuận đề nghị Hủy các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp HĐXX không chấp nhận yêu cầu.

Trên phần đất lấn chiếm, bà Nhuận đã trồng một số cây trên đất, gây thiệt hại đến tài sản của Công ty và tạo dư luận xấu trong nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Nếu bà Nhuận không thỏa thuận được với Công ty Lâm nghiệp để được tiếp tục trồng rừng thì bà phải khai thác cây trồng trái phép trên đất của Công ty để trả lại đất cho Công ty.

Đối với một số cây trồng trên diện tích do bà Nhuận đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì bà vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà bà đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục

trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Tổng Công ty Lâm nghiệp có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị Nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của bà Nhuận đơn đề nghị Tòa án Tuyên hủy GCNQSD đất của Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên – chi nhánh của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần.

Bà Nguyễn Thị Nhuận và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nhuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên hủy GCNQSD đất số BA 866776 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam do UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp ngày 15/02/2011. Căn cứ Nguồn gốc đất: Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trước đây Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập và giao đất tại Quyết định 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065 ha. Năm 1998 khi chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam đã có Biên bản kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đồng Hỷ quản lý, thì diện tích đất của Lâm trường Đồng Hỷ có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp tuyến tuyến đường Linh Sơn đi La Hiên và Võ Nai, Đông giáp huyện Võ Nai, Tây giáp các xã Linh Sơn, Nam Hòa, Hợp Tiến, Tân Lợi, Nam giáp tỉnh Hà Bắc, Lâm trường nằm trên đất của các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Hợp Tiến và Tân Lợi bao gồm 04 phân trường I, II, III, IV có 15 tiểu khu 402A, 402B, 403, 404, 401, 407, 408A, 408B, 409, 410, 411B, 412, 413, 414, 416. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định 231/QĐ-BNN ngày 20/01/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngày 28/01/2003 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên thành Công ty Ván Dăm Thái Nguyên tại Quyết định số 248/QĐ-BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tại Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên. Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp.

Tại Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

Việc cấp GCNQSD đất đã được Văn phòng đăng ký QSD đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp

GCNQSD đất trình lên Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty, GCNQSD đất số BA 866776, BA 866531, BA 866527 và BA 866510 ngày 15/02/2011.

Như vậy có đủ căn cứ xác định đất bà Nguyễn Thị Nhuận đang quản lý sử dụng có tranh chấp với Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam có Nguồn gốc là đất của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có Quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đồng Hỷ đến nay là Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần – Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên thì diện tích đất được bàn giao nguyên trạng, tuy nhiên trong phạm vi ranh giới Lâm trường Đồng Hỷ có nhiều dân cư sinh sống, số dân cư này đã chiếm giữ một phần đất của lâm trường.

Căn cứ Khoản 1 Điều 52 Luật đất đai 2003; Điều 7,10 11,12,19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009; Xét thấy việc cấp GCNQSD đất nêu trên cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền nên không cần thiết phải đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của bà Nhuận và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nhuận đề nghị Tòa án hủy GCNQSD của Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/02/2011 là không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận.

[4] Trong đơn khởi kiện bà Nhuận trình bày bà mở và tu sửa con đường trong diện tích tranh chấp trị giá 400.000.000đ(Bốn trăm triệu đồng).

Theo bản trích đo hiện trạng xác định diện tích con đường là 7.425,7 m² nằm trong diện tích 126.708,3 m². Tại phiên tòa phía bị đơn trình bày: Con đường đi vào thửa đất có từ trước, đã qua nhiều lần khai thác rừng, xe chở gỗ vẫn đi trên con đường đó nên không đồng ý với ý kiến của Nguyên đơn về việc đầu tư mở đường.

Bà Nhuận khai đất là của bà được Lâm trường Đồng Hỷ giao năm 1998 và đất bà khai hoang có diện tích 126.708,3 m², con đường nằm trong diện tích đất bà tự mở để phục vụ cho việc vận chuyển gỗ, việc làm đường chỉ thuê máy xúc múc, gạt đất chứ không có giấy tờ về việc mua nguyên vật liệu nên bà không yêu cầu HĐXX

xem xét. Do bà Nhuần không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Nhuần phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đo đất bằng máy và định giá tài sản 21.180.000 đồng). Bà Nhuần đã nộp và chi phí xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bà Nhuần là người cao tuổi nên được miễn **49.211.241 đồng** tiền án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hỷ tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280, 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 09/01/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế để quản lý, sử dụng;

- Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

- Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Thông tư 06/LN KL ngày 18/6/1994 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ về giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 103, 104, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;

- Điều 17, 10, 11, 12, 19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Nghị định 17/1992/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng;
- Điều 7, 8, 24, 28 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;
- Điều 99, 102, 135, 203 Luật đất đai năm 2013;
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.
- Điều 400, 401, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhuận đề nghị Công nhận 13,22 ha đất rừng sản xuất rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của bà, vì vị trí đất được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích đất tranh chấp là **126.708,3 m²** tương đương **12,67 ha** đất trồng rừng thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

*** Phần diện tích đất tranh chấp vị trí tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, có diện tích 126.708,3 m².**

- + Phía Bắc: Giáp khe nước, bên kia khe là đất bà Trần Thị Nhắc sử dụng;
 - + Phía Đông: 1 phần Đông Bắc Giáp đất bà Dương Thị Sinh; 1 phần phía Đông giáp đất bà Nông Thị Hoa; 1 phần phía Đông giáp đất bà Trần Thị Nhắc; 1 phần phía Đông giáp đất ông Ngô Thanh Huân; 1 phần phía Đông Nam giáp đất ông Lại Khắc An;
 - + Phía Nam: 1 phần giáp với đất ông Phạm Văn Trí, 1 phần giáp đất ông Nguyễn Văn Thanh; 1 phần giáp đất bà Ngô Thị Thúy;
 - + Phía Tây giáp với đất ông Trần Văn Trung;
- Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

(Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhuận đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao nhận khoán mà bà Nhuận cho rằng bị ép ký không từ năm 2011.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhuận đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Nhuận phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã chi phí xong).

5. Án phí: Miễn 49.211.241 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Nguyễn Thị Nhuận .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Dân sự .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ



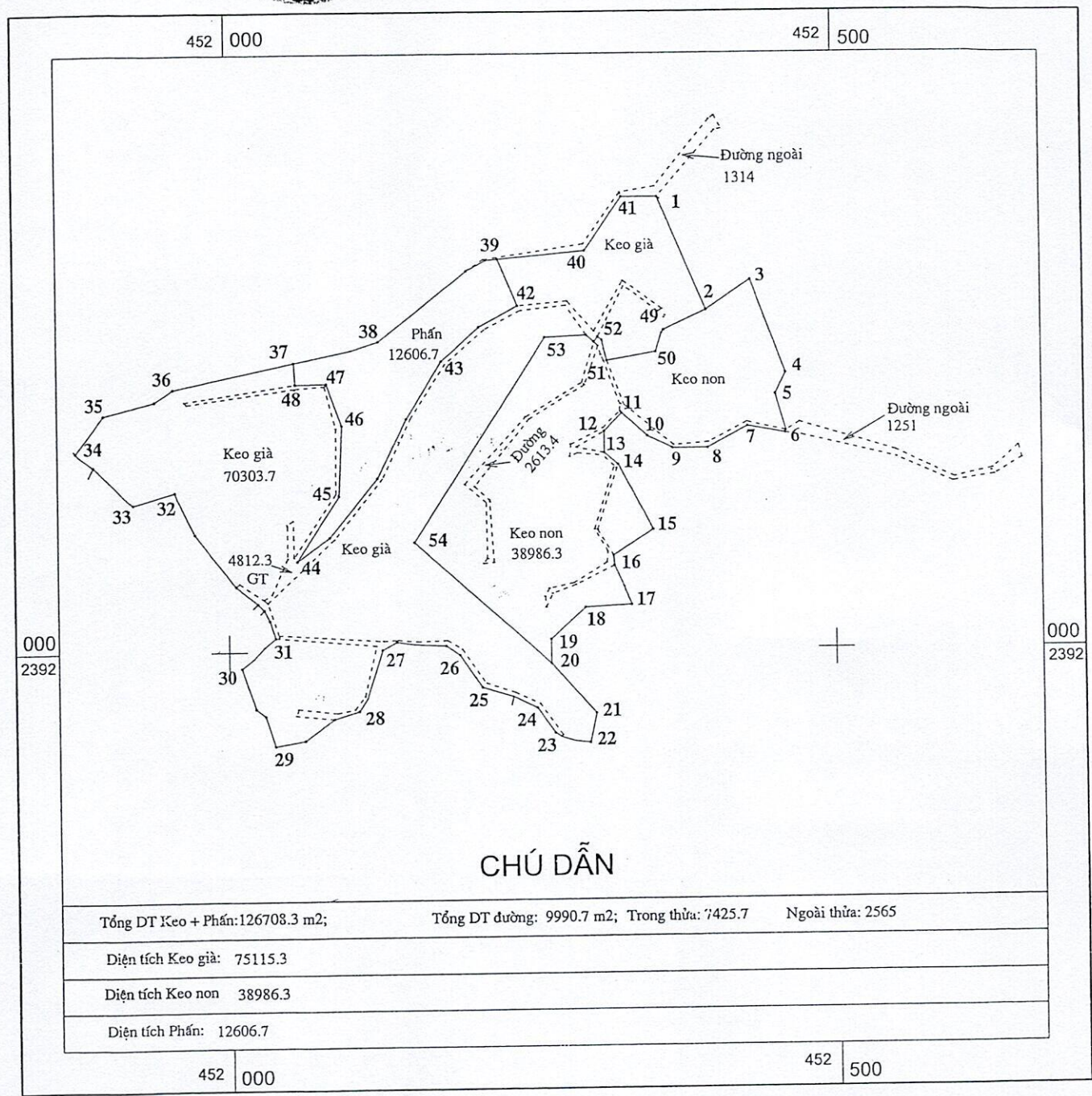
Maí Thị Hồng Thái

TÒA ANH NHÂN DÂN B. S. S. C. P.
BỘ LỤC S. 179



TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

NGUYỄN THỊ NHUẬN
XOM BẠY VÀNG XÃ HỢP TIẾN HUYỆN ĐỒNG HỖ



CHÚ DẪN

Tổng DT Keo + Phấn: 126708.3 m ² ;	Tổng DT đường: 9990.7 m ² ;	Trong thửa: 7425.7	Ngoài thửa: 2565
Diện tích Keo già: 75115.3			
Diện tích Keo non: 38986.3			
Diện tích Phấn: 12606.7			

Đo vẽ tháng 6 năm 2020
Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Đo vẽ tháng 6 năm 2020
Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH
Hà Nguyễn Châu



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Điền

164